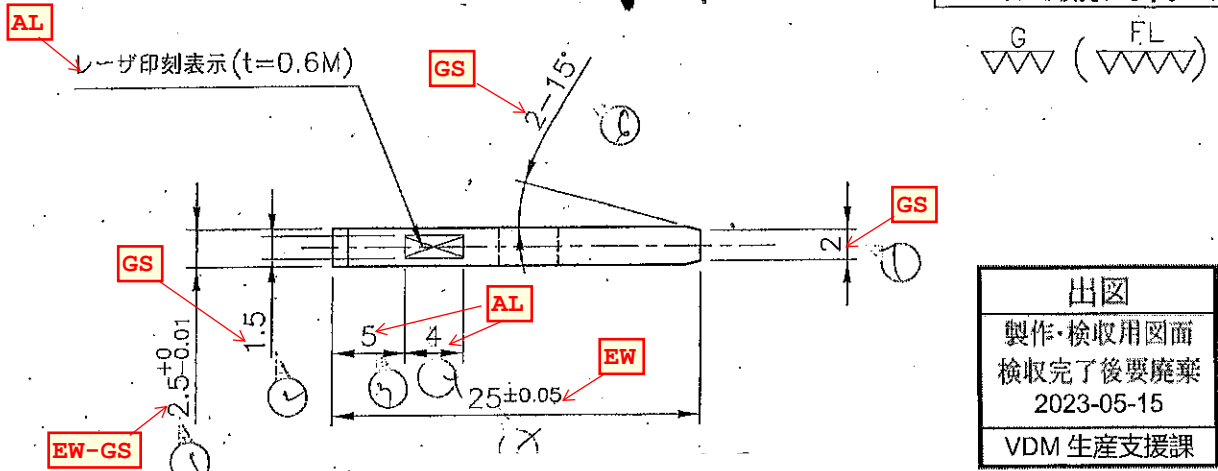
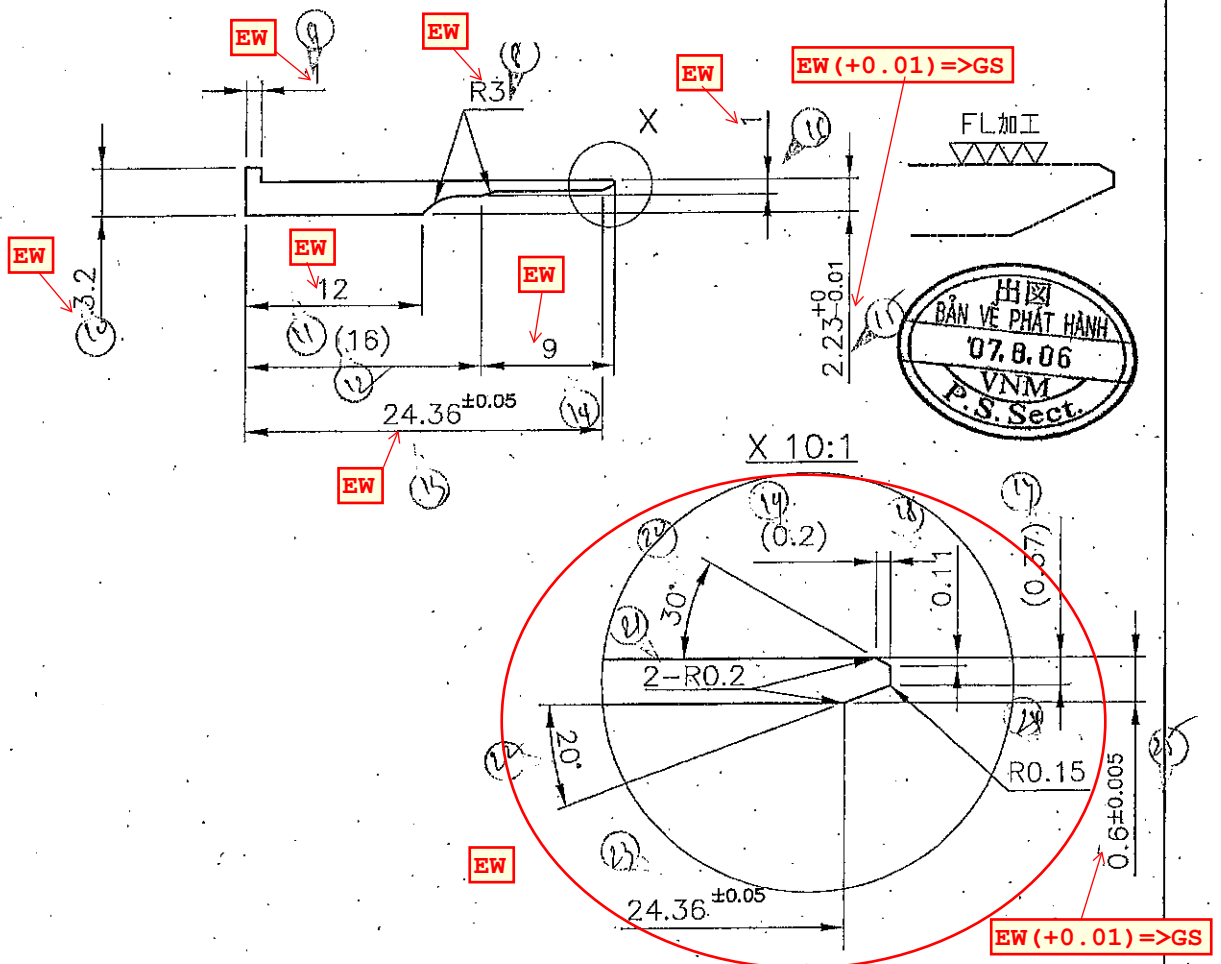


訂正 Rev	日 付	記 事	担 当	加工公差表示
				0.5以上 6以下 ±0.1
				6ラコエ 30 ±0.2
				30~120 ±0.3
				120 ~ 315 ±0.5
				公差表示が有る場合は、それを優先する事。

7105



出図
製作・検収用図面
検収完了後要廃棄
2023-05-15
VDM 生産支援課



機種 FC-140RE, SE 使用 P:12.6mm用

0.6 RE/SE

新圖面番號 S149870

VNM原紙

部 品 名		材 質		数 量		設 備 名 称			
銷		SKD11		02		TRMNL · OPEN' G/MTL OIL' G JIG			
熱 処 理		表 面 处 理		検 図	設 計	製 図	日 付	共通部品番号	
焼入 焼戻 HRC 58~ ①				N. TRAC	THUONG	THUONG	07.05.08		
尺 度		第三 角法	図面 番号	D108-001V-00-1-078-CA					訂正Rev
2/1(10/1)									

T4 X 34 X 5

7105 0132

SNO: **S749870**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG: **2 pcs**

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: VLTD (EW)	EW:60 GS:30 AF:10 AL:5 KT